

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINATENS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VINATENS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINATENS CONSTRUCTION CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINATENS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110214420

**3. Ngày thành lập:** 22/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu 2, xã Đại Thịnh, Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976488136

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị;<br>Thiết kế kiến trúc cảnh quan;<br>Thiết kế nội thất;<br>Thẩm tra thiết kế công trình.<br>Tư vấn giám sát thi công xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật<br>Lập dự án đầu tư xây dựng công trình<br>Thẩm tra dự toán xây dựng công trình<br>Tư vấn đấu thầu<br>Dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng<br>Dịch vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng | 7110        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101(Chính) |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211 |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 12. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 14. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223 |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 16. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 17. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                      | 4292 |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 20. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                | 4311 |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                     | 4312 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 150.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ QUỐC<br>KHÁNH | P111-H1 đường<br>Kim Giang,<br>Phường Kim<br>Giang, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 30,000       | 0010750213<br>86                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM VĂN<br>TẤN  | Thôn Nội Đồng,<br>Xã Đại Thịnh,<br>Huyện Mê Linh,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 40,000       | 0010890042<br>26                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                 |                                    |        |             |        |                  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM THỊ<br>YẾN | Thôn Phù Trì, Xã<br>Kim Hoa, Huyện<br>Mê Linh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000 | 450.000.000 | 30,000 | 0011920155<br>21 |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số                            | 45.000 | 450.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                 |                                                                                 |                                    |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN TẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001089004226

Ngày cấp: 16/10/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nội Đồng, Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nội Đồng, Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội